

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Nghệ An

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An – Giai đoạn 2

Số giấy phép hoạt động: 395/GPHĐ-BYT Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 24/01/2025

Địa chỉ: Km V, Đại lộ Lê Nin, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKII. Nguyễn Danh Linh

Điện thoại liên hệ: 0238.6565.888

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Đối tượng hướng dẫn thực hành:
 - Bác sỹ phạm vi hành nghề Y khoa;
 - Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa: Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Mắt, Chẩn đoán hình ảnh, Gây mê hồi sức, Phục hồi chức năng, Xét nghiệm.
 - Bác sỹ phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;
 - Bác sỹ phạm vi hành nghề Răng hàm mặt;
 - Bác sỹ phạm vi hành nghề Y học dự phòng;
 - Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sĩ y học cổ truyền (Trung cấp);
 - Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng (Đại học, Cao đẳng);
 - Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh (Cao đẳng);
 - Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học (Đại học, Cao đẳng);
 - Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học (Cao đẳng);
 - Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng (Đại học, Cao đẳng);
- Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục I)
- Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Thực hành chuyên môn khám bệnh chữa bệnh về hồi sức cấp cứu (theo Hợp đồng nguyên tắc về việc hợp tác đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh số 1167/2025/HĐHT ngày 03/10/2025)

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Phụ lục II)

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: (Phụ lục III)

Bệnh viện HNĐK Nghệ An – Giai đoạn 2 cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGĐ (để b/c);
- Lưu VT, QLCL-ĐT&QLCL



NGUYỄN DANH LINH



PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 02/CV-NAH ngày 05/01/2026 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An - Giai đoạn 2)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
Bác sỹ phạm vi hành nghề Y khoa								
1	Lê Nhật Huy	Tiến sĩ Y học	004354/NA-CCHN	29/08/2014	Khám chữa bệnh Nội khoa		11	
2	Lê Đình Sáng	Thạc sĩ Bác sĩ đa khoa	009411/NA-CCHN	31/05/2017	Khám chữa bệnh Nội khoa		8	
3	Lê Đăng Phục	CKI Lão khoa	011449/ĐNAI-CCHN	20/03/2019	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa		6	
4	Đậu Thị Na	Bác sĩ Đa khoa	0005867/HT-CCHN	16/08/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa		6	
5	Nguyễn Thị Hải Đường	Bác sĩ Đa khoa	007378/QNA-CCHN	10/04/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa		6	
6	Võ Thế Vỹ	CKI Nội khoa	5099/BP-CCHN	22/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội		3	
7	Vi Thị Hồng Xuân	CKI Da liễu	012437/ĐNAI-CCHN	09/03/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	QĐ số 320/QĐ-SYT Ngày 02/04/2024 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	5	
8	Nguyễn Thị Ngà	Thạc sĩ Nội khoa	038761/BYT-CCHN	24/12/2018	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nội		7	
9	Nguyễn Xuân Nghĩa	CKI Nội tiết	006989/NA-CCHN	30/11/2015	Khám chữa bệnh Nội Nhi	QĐ số 686/QĐ-SYT Ngày 20/06/2017 Về việc bổ sung PV HĐCM: Đọc điện tâm đồ	10	
10	Trần Thị Hoa Hồng	Thạc sĩ Bác sĩ Nội khoa	001767/ĐNAI-CCHN	24/04/2018	Khám bệnh chữa bệnh nội khoa Không làm thủ thuật chuyên khoa		7	
11	Phạm Viết Thắng	Bác sĩ Y khoa	013713/NA-CCHN	31/05/2021	Khám chữa bệnh Nội khoa		4	
12	Nguyễn Thị Phụng	CKI Nội khoa	010541/NA-CCHN	26/04/2018	Khám chữa bệnh Nội Nhi lây		7	
13	Trần Bằng Thống	Thạc sĩ Bác sĩ Ngoại khoa	000298/HT-CCHN	14/12/2012	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại		13	
14	Hoàng Công Anh	Thạc sĩ Bác sĩ CKII CTCH	007804/NA-CCHN	31/03/2016	Khám chữa bệnh Ngoại Khoa	QĐ số 1116/QĐ-SYT Ngày 16/08/2024 Về việc bổ sung PV HĐCM: Bổ sung thêm khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	9	
15	Phạm Quang Đại	CKI Ngoại khoa	014543/NA-CCHN	10/05/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa		3	
16	Nguyễn Danh Linh	Bác sĩ CKII Phụ Sản	001996/NA-CCHN	30/11/2013	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa		12	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
17	Lê Thị Tuyết Hạnh	CKI Sản phụ khoa	0027252/HCM-CCHN	19/11/2014	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa		11	
18	Cao Thế Thiệu	Bác sĩ Đa khoa	013444/NA-CCHN	18/03/2021	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa		4	
19	Phan Thị Hằng	Bác sĩ Đa khoa	013484/NA-CCHN	18/03/2021	Khám chữa bệnh Sản phụ khoa		4	
20	Chu Văn Quyền	Bác sĩ Đa khoa	006844/KH-CCHN	03/05/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi		6	
21	Trần Duy Lý	Bác sĩ Đa khoa	050263/HCM-CCHN	06/11/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi		5	
22	Dương Thị Tâm	Bác sĩ Đa khoa	013579/NA-CCHN	26/04/2021	Khám chữa bệnh Nhi khoa		4	
23	Cao Thị Hằng	Thạc sĩ Nhi khoa	015178/NA-CCHN	15/11/2022	Khám chữa bệnh Nhi khoa		3	
24	Nguyễn Thị Minh	Bác sĩ Đa khoa	006487/HT-CCHN	28/04/2021	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	QĐ số 779/QĐ-SYT Ngày 30/06/2021 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám chữa bệnh Tai mũi họng cơ bản	4	
25	Nguyễn Thị Phương Thảo	Bác sĩ Y đa khoa	010449/NA-CCHN	15/04/2018	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt		7	
26	Giàng Minh Long	CKI Gây mê hồi sức	002834/ĐB-CCHN	12/07/2024	Y khoa	QĐ số 822/QĐ-SYT Ngày 16/07/2024 Về việc bổ sung PV HĐCM: Chuyên khoa Gây mê hồi sức	6	CCHN cấp lại do mất
27	Trần Đình Đạo	CKI GMHS	006161/HT-CCHN	12/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	QĐ số 1069/QĐ-SYT Ngày 02/06/2020 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	5	
28	Nguyễn Sơn Thuỷ	Bác sĩ Y khoa	0016349/BYT-CCHN	25/01/2014	Chuyên khoa siêu âm	QĐ số 6616/QĐ-SYT Ngày 04/11/2016 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám nội soi Tai mũi họng	11	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội								
1	Nguyễn Công Chung	CKI Nội khoa	009096/NA-CCHN	15/04/2017	Khám chữa bệnh Nội khoa		8	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại								
1	Lê Văn Đại	CKI Ngoại khoa	012657/ĐNAI-CCHN	24/04/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại		5	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản phụ								
1	Nguyễn Thị Phong	CKI Sản phụ khoa	010502/HNO-CCHN	29/11/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - KHHGD		12	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Nhi								
1	Thái Gia Nguyên	CKI Nhi khoa	007450/NA-CCHN	31/01/2016	Khám chữa bệnh Nội Nhi		9	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt								
1	Đồng Xuân Yên	CKII Mắt	090034/CCHN-BQP	26/11/2015	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt		10	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh								

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
1	Đậu Lê Thuỷ	Thạc sĩ Bác sĩ Y học	008289/NA-CCHN	15/09/2016	Chẩn đoán bệnh bằng hình ảnh		9	
2	Đinh Thị Vân	Thạc sĩ CDHA	010419/NA-CCHN	31/08/2018	Chẩn đoán bệnh bằng hình ảnh		7	
3	Hoàng Thị Quyên	Thạc sĩ Bác sĩ Điện quang và Y học hạt nhân	009374/NA-CCHN	31/05/2017	Chẩn đoán bệnh bằng hình ảnh		8	
4	Đào Thị Thường	Thạc sĩ CDHA	010017/NA-CCHN	15/11/2017	Khám và chẩn đoán bệnh qua Chẩn đoán hình ảnh		8	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức								
1	Phan Thế Long	CKI Gây mê hồi sức	000967/NA-CCHN	30/08/2013	Khám, chữa bệnh Gây mê hồi sức		12	
2	Tạ Đình Minh	Thạc sĩ GMHS	008370/NA-CCHN	15/10/2016	Khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức		9	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng								
1	Lê Thị Lộc	CKI Phục hồi chức năng	011636/NA-CCHN	15/05/2019	Khám chữa bệnh Nội khoa	QĐ số 551/QĐ-SYT Ngày 12/05/2021 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám chữa bệnh Phục hồi chức năng	6	
Bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm								
1	Nguyễn Thị Hải	CKI Huyết học - Truyền máu	003025/HP-CCHN	19/08/2021	Chuyên khoa Xét nghiệm		4	
Bác sĩ phạm vi hành nghề Y học cổ truyền								
1	Nguyễn Thị Minh Hằng	CKI Phục hồi chức năng, Bác sĩ Y học cổ truyền	013019/NA-CCHN	05/09/2020	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	QĐ số 279/QĐ-SYT Ngày 10/03/2021 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	5	
2	Nguyễn Đình Quát	Bác sĩ Y học cổ truyền	013191/NA-CCHN	13/11/2020	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền		5	
3	Đinh Thanh Thường	Thạc sĩ Nội khoa YHCT	009911/NA-CCHN	31/10/2017	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	QĐ số 800/QĐ-SYT Ngày 13/07/2021 Về việc bổ sung PV HĐCM: Khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	8	
4	Phan Đăng Quỳnh	CKI Y học cổ truyền	001615/GL-CCHN	30/03/2020	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	QĐ số 1306/QĐ-SYT Ngày 09/11/2023 Về việc bổ sung PV HĐCM: Bổ sung khám chữa bệnh Phục hồi chức năng	5	
Bác sĩ phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt								
1	Nguyễn Thanh Hải	Bác sĩ Răng hàm mặt	008573/NA-CCHN	12/01/2024	Khám chữa bệnh Răng hàm mặt		10	CCHN cấp do mắt
Bác sĩ phạm vi hành nghề Y học dự phòng								

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Luyến	Thạc sĩ Dinh dưỡng, Bác sĩ Y học dự phòng	030089/HNO-CCHN	25/06/2020	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; Xử trí cấp cứu ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	QĐ số 291917/QĐ-SYT Ngày 18/09/2024 Về việc bổ sung PV HĐCM: Bổ sung chuyên khoa Dinh dưỡng	5	
Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sĩ y học cổ truyền								
1	Nguyễn Đăng Long	Trung cấp chuyên nghiệp Y sĩ y học cổ truyền	012858/NA-CCHN	10/07/2020	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền		5	
2	Nguyễn Thị Quyên	Trung cấp Y sĩ y học cổ truyền	000380/HT-CCHN	06/11/2013	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền		12	
3	Phạm Công Hân	Trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền	005169/NB-CCHN	04/10/2021	Khám, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền		4	
Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng								
1	Trần Thị Như	ĐH Điều dưỡng	011698/NA-CCHN	15/06/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
2	Nguyễn Thị Thuý	ĐH Điều dưỡng	009333/NA-CCHN	31/05/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn Điều dưỡng trung học	QĐ số 1242/QĐ-SYT Ngày 10/09/2024 Về việc bổ sung PV HĐCM: Thay đổi phạm vi theo quy định tại Phụ lục số XII, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế	8	
3	Hồ Thị Yến	ĐH điều dưỡng	008506/BD-CCHN	26/02/2021	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		4	
4	Thái Thị Sương	ĐH Điều dưỡng	026391/HNO-CCHN	05/01/2019	Theo QĐ tại TT số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015		6	
5	Nguyễn Thị Hương Sen	ĐH Điều dưỡng	000272/NA-CCHN	28/01/2013	Điều dưỡng phụ trách dụng cụ phẫu thuật		12	
6	Lê Thị Hồng	ĐH Điều dưỡng	000288/NA-CCHN	28/01/2013	Phụ trách dụng cụ phẫu thuật		12	
7	Nguyễn Thị Hà Linh	ĐH Điều dưỡng	014040/ĐNAI-CCHN	24/01/2022	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015		3	
8	Phan Thị Nhân	ĐH Điều dưỡng	0017366/HNO-CCHN	08/09/2015	Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005		10	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
9	Lê Thị Quỳnh Anh	ĐH điều dưỡng	009656/NA-CCHN	15/08/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng đại học		8	
10	Nguyễn Thị Hà	ĐH Điều dưỡng	000174/BN-CCHN	16/05/2012	Điều dưỡng đa khoa		13	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	ĐH Điều dưỡng	005686/BD-CCHN	25/04/2017	Thực hiện theo Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		8	
12	Lê Thị Phương	ĐH điều dưỡng	008977/BD-CCHN	14/04/2022	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		3	
13	Lê Thị Ngọc	ĐH điều dưỡng	042432/HCM-CCHN	25/06/2018	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		7	
14	Lê Thị Luân	ĐH điều dưỡng	012811/ĐNAI-CCHN	03/07/2020	Theo QĐ tại TT số 26/2015/TTLT-BYT ngày 07/10/2015, tiêu chuẩn điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		5	
15	Nguyễn Thị Hiền	ĐH điều dưỡng	052161/HCM-CCHN	20/08/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		4	
16	Nguyễn Thị Minh Châu	ĐH Điều dưỡng	006124/BD-CCHN	25/09/2017	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		8	
17	Võ Thị Kiều Anh	ĐH Điều dưỡng	009050/BD-CCHN	10/05/2022	Thực hiện theo Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		3	
18	Bùi Thị Nguyễn	ĐH Điều dưỡng	007480/NA-CCHN	29/02/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng Đại học		9	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
19	Trần Thị Huyền	ĐH Điều dưỡng	006040/BD-CCHN	18/07/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		8	
20	Nguyễn Thị Giang	ĐH Điều dưỡng	009596/NA-CCHN	31/07/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng Đại học		8	
21	Nguyễn Thị Lệ	ĐH Điều dưỡng	004589/BD-CCHN	27/04/2023	Thực hiện theo Thông tư 26/2015/TTLT-KYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y		10	Cấp lại CCHN do chuyển đổi từ cao đẳng lên cử nhân
22	Nguyễn Thị Phượng	ĐH Điều dưỡng	043631/HCM-CCHN	08/11/2018	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		7	
23	Ngô Thị Hà Phương	ĐH Điều dưỡng	007303/NA-CCHN	31/12/2015	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn Điều dưỡng cao đẳng		10	
24	Hoàng Thị Nhung	ĐH điều dưỡng	009356/NA-CCHN	31/05/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng cao đẳng		8	
25	Dương Thị Thanh Huyền	ĐH Điều dưỡng	007998/NA-CCHN	15/06/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng cao đẳng		9	
26	Dương Thị Dung	CĐ Điều dưỡng	012172/NA - CCHN	15/11/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
27	Nguyễn Thị Phương	CĐ Điều dưỡng	005808/HT-CCHN	26/06/2019	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng		6	
28	Lưu Đức Hậu	CĐ Điều dưỡng đa khoa	0001835/NA-CCHN	31/10/2013	Thực hiện y lệnh của Bác sĩ về điều dưỡng		12	
29	Lê Thị Minh	CĐ điều dưỡng	011687/NA-CCHN	31/05/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
30	Phan Thị Hương	CĐ Điều dưỡng	006778/HT-CCHN	03/03/2022	Điều dưỡng hạng IV		3	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
31	Nguyễn Thị Thanh Trà	CĐ Điều dưỡng	012179/NA-CCHN	15/11/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
32	Hoàng Thị Thanh Thuý	CĐ điều dưỡng	000361/NA-CCHN	29/03/2013	Thực hiện y lệnh của bác sĩ về điều dưỡng		12	
33	Lê Thị Tâm	CĐ điều dưỡng	032605/HNO-CCHN	17/05/2021	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015		4	
34	Phạm Thị Hằng	CĐ điều dưỡng	034639/HNO-CCHN	01/04/2022	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015		3	
35	Lê Thị Thuý	CĐ điều dưỡng	005040/TTH-CCHN	17/12/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		5	
36	Nguyễn Thị Thuý	CĐ Danh hiệu cử nhân thực hành điều dưỡng	0005100/BD-CCHN	15/03/2016	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		9	
37	Trần Cao Vũ Long	CĐ Danh hiệu cử nhân thực hành điều dưỡng	013073/NA-CCHN	12/09/2020	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		5	
38	Trương Văn Phi	CĐ Điều dưỡng	012269/NA-CCHN	30/12/2019	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
39	Vũ Duy Cầu	CĐ Điều dưỡng	013941/NA-CCHN	10/08/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		4	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
40	Hoàng Thị Thanh	CĐ Điều dưỡng phụ sản	4092/BP-CCHN	17/10/2018	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		7	
41	Nguyễn Thị Diệp	CĐ Điều dưỡng phụ sản	007528/NA-CCHN	29/02/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng CĐ phụ sản		9	
42	Nguyễn Thị Thu Hiền	CĐ Điều dưỡng phụ sản	000825/NA-CCHN	30/06/2013	Thực hiện y lệnh của bác sỹ về công tác điều dưỡng phụ sản		12	
43	Nguyễn Thị Hậu	CĐ Điều dưỡng phụ sản	008540/NA-CCHN	30/11/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng CĐ phụ sản		9	
44	Trần Thị Hà	CĐ ngành y tế	000192/BN-CCHN	16/05/2012	Điều dưỡng		13	
45	Trần Thị Thảo	CĐ Điều dưỡng	012471/NA-CCHN	15/03/2020	Thực hiện theo Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		5	
46	Nguyễn Thị Hà	CĐ Điều dưỡng	0004695/BD-CCHN	17/08/2015	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng		10	
47	Nguyễn Thị Ngọc	CĐ Điều dưỡng	004507/ĐNAI-CCHN	21/12/2017	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		8	
48	Nguyễn Phương Anh	CĐ Điều dưỡng	014891/NA-CCHN	09/09/2022	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		3	
49	Nguyễn Thị Hằng	CĐ Điều dưỡng	014291/NA-CCHN	25/01/2022	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		3	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
50	Phạm Thị Quý	CD điều dưỡng	004852/HY-CCHN	31/05/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
51	Lê Thuỳ Trang	CD điều dưỡng	000501/HT-CCHN	03/08/2018	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng		7	
52	Nguyễn Thị Trinh	CD Điều dưỡng đa khoa	007297/BD-CCHN	21/06/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		6	
53	Nguyễn Thị Hải	CD Điều dưỡng	007550/BD-CCHN	30/09/2019	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng		6	
54	Nguyễn Thị Yến	CD Điều dưỡng	017470/TH-CCHN	21/12/2020	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.		5	
55	Nguyễn Thị Liên	CD Điều dưỡng	000805/NA-CCHN	30/06/2013	Thực hiện y lệnh bác sĩ về công tác điều dưỡng		12	
56	Đoàn Thị Thu Hà	CD Điều dưỡng	000113/NA-CCHN	31/08/2012	Thực hiện Y lệnh bác sĩ về điều dưỡng		13	
57	Phan Anh Trung	CD điều dưỡng	013422/NA-CCHN	18/03/2021	Thực hiện theo Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		4	
58	Phạm Thị Yến	CD Điều dưỡng	001301/NA-CCHN	30/9/2013	Thực hiện y lệnh của bác sĩ về điều dưỡng		12	
59	Bùi Thị Thắm	CD điều dưỡng	000773/HT-CCHN	27/08/2018	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng		7	
60	Tăng Thị Huyền	CD Điều dưỡng	007802/NA-CCHN	31/03/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn điều dưỡng cao đẳng		9	
61	Hoàng Văn Liễu	CD điều dưỡng	000843/NA-CCHN	30/06/2013	Chiếu chụp Xquang theo y lệnh của bác sĩ		12	
Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh								
1	Võ Thị Yến Anh	CD Hộ sinh	006372/HT-CCHN	09/12/2020	Thực hiện nhiệm vụ hộ sinh		5	
2	Võ Thị Hương	CD Hộ sinh	009620/NA - CCHN	15/08/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn hộ sinh cao đẳng		8	

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
3	Hoàng Lê Kim Ngân	ĐH Điều dưỡng (chuyên ngành hộ sinh)	003475/QT-CCHN	30/10/2017	Hộ sinh hạng IV theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015		8	
4	Nguyễn Thị Luyến	CĐ Danh hiệu cử nhân thực hành Hộ sinh	000835/NA-CCHN	30/06/2013	Thực hiện y lệnh của bác sĩ về hộ sinh		12	
5	Phan Thị Hoà	CĐ Hộ sinh	028394/HNO-CCHN	25/09/2019	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015		6	
6	Nguyễn Thị Ngân	CĐ Hộ sinh	008343/NA-CCHN	30/09/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn hộ sinh cao đẳng		9	
Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học								
1	Phan Văn Hội	CKI Xét nghiệm y học	041409/HCM-CCHN	08/05/2020	CK xét nghiệm		5	
2	Nguyễn Đức Hưng	CN kỹ thuật xét nghiệm y học	014729/NA-CCHN	30/06/2022	Chuyên khoa Xét nghiệm		3	
3	Trần Phương Thảo	CN kỹ thuật xét nghiệm Y học	013464/NA-CCHN	20/10/2021	Chuyên khoa Xét nghiệm		4	
4	Phạm Thị Lê	CN Xét nghiệm Y học	006447/HT-CCHN	08/03/2021	KTV Xét nghiệm cao đẳng		4	
5	Đào Thanh Trà	CĐ Kỹ thuật xét nghiệm Y học	010676/NA - CCHN	31/05/2018	KTV Xét nghiệm vi sinh		7	
6	Nguyễn Thị Nga	CĐ Xét nghiệm Y học	002453/ĐNAI-CCHN	08/12/2017	KTV Xét nghiệm		8	
Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học								
1	Nguyễn Văn Mạnh	CĐ Kỹ thuật Y học	004868/TNG-CCHN	24/11/2016	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, Kỹ thuật y. Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh		9	
2	Vũ Hữu Tiến	CĐ Kỹ thuật Y học	012161/NA-CCHN	15/11/2019	KTV chẩn đoán hình ảnh		6	
3	Cao Văn Ân	CĐ Kỹ thuật Y học	008604/NA-CCHN	30/12/2016	KTV kỹ thuật y học		9	
Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng								
1	Nguyễn Thị Thuý Kiều	CN Phục hồi chức năng	007872/NA-CCHN	31/3/2016	Kỹ thuật Phục hồi chức năng		9	

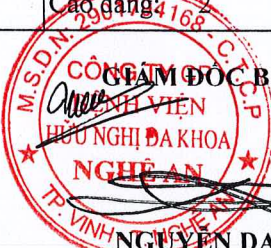


PHỤ LỤC II

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 02./CV-NAH ngày 05/04/2024 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An - Giai đoạn 2)

STT	Đối tượng hướng dẫn thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ phạm vi hành nghề Y khoa	140
2	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội	5
3	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại	5
4	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản phụ	5
5	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Nhi	5
6	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt	5
7	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	20
8	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức	10
9	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng	5
10	Bác sỹ phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm	5
11	Bác sỹ phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	20
12	Bác sỹ phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	5
13	Bác sỹ phạm vi hành nghề Y học dự phòng	5
14	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y sĩ y học cổ truyền (Trung cấp)	15
15	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng (Đại học, Cao đẳng)	Đại học: 110
		Cao đẳng: 195
16	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh (Cao đẳng)	30
17	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm Y học (Đại học, Cao đẳng)	Đại học: 15
		Cao đẳng: 15
18	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học (Cao đẳng)	15
19	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng (Đại học, Cao đẳng)	Đại học: 3
		Cao đẳng: 2


NGUYỄN DANH LINH

PHỤ LỤC III

CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 04./CV-NAH ngày 05/01/2026 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An - Giai đoạn 2)

STT	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành (ĐVT: VNĐ)
1	Bác sỹ	1.500.000/tháng/học viên
2	Y sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật Y, Hộ sinh	1.000.000/tháng/học viên



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

NGUYỄN DANH LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc hợp tác đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh
Số: ~~1167~~ 2025/HĐHT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày ngày 30/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày 3. tháng 10. năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A: BỆNH VIỆN QUÂN Y 4

Đại diện: Ông Nguyễn An Giang

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Lê Viết Thuật, phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0968535868

Mã số thuế: 2901731626

Số tài khoản: 113873788888

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Vinh

BÊN B: CÔNG TY CP BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

Đại diện: Ông Trần Hữu Hiệp

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Km số V, Đại lộ Lenin, phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0238.6565.888

Mã số thuế: 2901794168

Số tài khoản: 51089.88888 tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Nghệ An

Sau khi bàn bạc và thoả thuận, hai đồng ý ký kết Hợp đồng hợp tác về việc thực hành khám bệnh, chữa bệnh với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung của Hợp đồng đào tạo thực hành

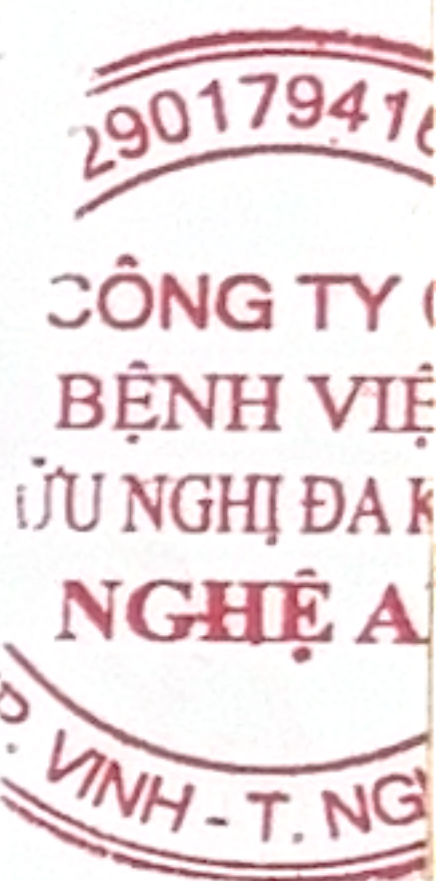
1. Đối tượng thực hành: Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật y, do bên B cử đi học (gọi chung là học viên hoặc người thực hành).
2. Số lượng người thực hành: Theo từng đợt bên B cử đi.
3. Người hướng dẫn thực hành: Bên A đảm bảo số lượng, trình độ chuyên môn của người hướng dẫn thực hành (đảm bảo quy định hiện hành) cho người có nhu cầu thực hành của bên B.
4. Nội dung hợp tác: Bên A tiếp nhận đào tạo thực hành Khám và chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu cho học viên của bên B (*Chi tiết nội dung thực hành tại phụ lục kèm theo*).
5. Thời gian thực hành: Theo từng đợt bên B cử đi. Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A (bằng văn bản) trước thời gian thực hành ít nhất 05 ngày làm việc.
6. Địa điểm thực hành: Khoa Hồi sức cấp cứu (A12) – Bệnh viện Quân y 4. Căn cứ vào thời gian và số lượng người thực hành do bên B cử đi, bên A quyết định việc bố trí thực hành cho người thực hành phù hợp với nội dung thực hành.
7. Chi phí thực hành: Theo quy định của bên A.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán chi phí thực hành sẽ được quy định chi tiết tại Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh của bên A và từng học viên của bên B.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:
 - a) Tiếp nhận, ký kết hợp đồng thực hành, phân công người hướng dẫn thực hành phù hợp với người có nhu cầu thực hành trong phạm vi đã thoả thuận tại Hợp đồng này.
 - b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu bên B hoặc người thực hành vi phạm các thoả thuận ghi trong Hợp đồng này.
 - c) Thu chi phí thực hành theo thoả thuận tại Hợp đồng này.
2. Bên A có nghĩa vụ:
 - a) Bố trí, đảm bảo các quyền lợi cho người thực hành được thực hành theo đúng nội dung đã thống nhất.
 - b) Sau thời gian thực hành nhận xét quá trình thực hành gửi về bên B để làm chứng nhận quá trình thực hành cho học viên.



- c) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
- d) Thực hiện đúng các cam kết khác được ghi trong Hợp đồng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được cử người thực hành sang học thực hành tại bên A theo nội dung đã thoả thuận (bằng văn bản).
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu bên A vi phạm các thoả thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Yêu cầu người thực hành cung cấp các thông tin cá nhân theo quy định cho bên A.
- b) Có trách nhiệm thông báo cho người thực hành về các vấn đề có liên quan trong thời gian thực hành tại bên A.
- c) Thực hiện đúng các cam kết khác được ghi trong Hợp đồng.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký;

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Mọi thay đổi (nếu có) phải được hai bên bàn bạc, thương lượng giải quyết trên cơ sở tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau. Trường hợp không thương lượng được thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và cùng giải quyết trên tinh thần hợp tác bình đẳng.

4. Hợp đồng này làm thành bốn bản, mỗi bên giữ hai bản, có giá trị pháp lý như nhau./.



Nguyễn An Giang



Trần Hữu Hiệp



PHỤ LỤC

Nội dung thực hành phần Hồi sức cấp cứu

(Kèm theo Hợp đồng hợp tác số/2025/HĐHT ngày/...../2025)

TT	Nhóm bệnh		Bệnh
1	Hồi sức cấp cứu		
		1.	Hôn mê
		2.	Sốc phản vệ
		3.	Ngộ độc cấp
		4.	Suy tim cấp
		5.	Cơn đau thắt ngực
		6.	Ngừng tim (ngừng tuần hoàn)
		7.	Nhồi máu cơ tim cấp
		8.	Cơn tăng huyết áp
		9.	Cơn hen phế quản nặng
		10.	Phù phổi cấp
		11.	Suy hô hấp cấp
		12.	Xuất huyết tiêu hoá
		13.	Thủng tạng rỗng
		14.	Rối loạn nước điện giải
		15.	Sốt xuất huyết
		16.	Đau bụng cấp